

KINH TẾ VIỆT NAM 2016 VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG 2017

Đào Văn Hùng

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: daohungvan@gmail.com

Ngày nhận: 12/11/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/11/2016

Tóm tắt:

Năm 2016 là năm bắt đầu một chu kỳ mới trong nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 với bối cảnh kinh tế vĩ mô đang thay đổi. Kinh tế Việt Nam bên cạnh những thành tựu, những thuận lợi, cơ hội phát triển mới là những tồn tại, khó khăn và mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam trong những năm tới sẽ gặp những thách thức nhất định. Bài viết tập trung đánh giá những diễn biến kinh tế vĩ mô năm 2016, nhấn mạnh đến những khó khăn, thách thức và yêu cầu mới đặt ra cho công tác quản lý và điều hành kinh tế của Việt Nam. Tác giả cũng đề xuất một số khuyến nghị về chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2017 và những năm tiếp theo.

Từ khóa: Kinh tế Việt Nam; tăng trưởng kinh tế; chính sách kinh tế.

Vietnamese economy in 2016 and some policy implications to promote economic growth in 2016

Abstract:

As the beginning of a new five-year socio-economic development plan covering the years 2016 – 2020, the year of 2016 sees an uncertain macroeconomic context. Despite the past achievements and the opportunities for future development, Vietnam's economy is facing several challenges in achieving its economic growth target. This article assesses Vietnam's macroeconomic developments in 2016 with focus on the difficulties facing the country and the requirements for the government's macroeconomic management. The author also proposes policy recommendations to promote economic growth in 2017 and the incoming years.

Keywords: Vietnamese economy; economic growth; economic policy.

1. Đặt vấn đề

Đến nay, chúng ta đã đi gần hết chặng đường của năm 2016, tổng quan 10 tháng đầu năm kinh tế Việt Nam đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng xuất khẩu cùng lượng kiều hối tăng mỗi năm là những nguồn lực quan trọng giúp kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, bức tranh tổng thể vẫn còn nhiều điểm tối, điển hình như sự sụt giảm của ngành nông nghiệp do tác động bất lợi của hiện tượng rét đậm, băng giá ở các tỉnh phía Bắc, hạn hán ở miền Trung và Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Bên cạnh đó, sản

lượng công nghiệp của ngành khai khoáng cũng bị sụt giảm và sản xuất công nghiệp đang có xu hướng tăng chậm lại đã dẫn đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2016 thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái và gần như chắc chắn không đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,7% do Quốc hội (2016a) đề ra.

Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2017 sẽ khởi sắc hơn dựa trên các tín hiệu khả quan từ cả bên trong và bên ngoài nền kinh tế. Trên bình diện quốc tế, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 được dự báo sẽ phục hồi tốt hơn năm 2016 nhờ sự cải thiện của một số nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, các nền kinh tế đang nổi và các nước xuất khẩu dầu

(do giá dầu hồi phục). Brexit vẫn chưa thực sự diễn ra và tác động của sự kiện này chưa rõ ràng, chủ yếu là những tác động “sốc” tâm lý. Ở trong nước, các dự địa từ tái cơ cấu nền kinh tế, cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được Chính phủ quyết liệt chỉ đạo thực hiện trong năm 2016 sẽ phát huy hiệu quả nhiều hơn trong năm 2017.

Những nhận định trên sẽ được làm rõ hơn trong các nội dung dưới đây thông qua nghiên cứu đánh giá những diễn biến kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2016, trong đó, tập trung vào những khó khăn, thách thức và yêu cầu mới đặt ra cho công tác quản lý và điều hành kinh tế của Việt Nam. Qua đó, đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2017 thể hiện qua các kịch bản tăng trưởng kinh tế và đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2017 và những năm tiếp theo.

2. Bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016

2.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

IMF (2016) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2016 xuống 3,1% (giảm 0,1 điểm % so với dự báo hồi tháng 4/2016), thấp hơn các dự báo trước đó do tăng trưởng thương mại toàn cầu thấp hơn dự kiến và tác động tiêu cực từ Brexit. IMF cũng hạ dự báo tăng trưởng đối với khu vực các nền kinh tế phát triển trong năm 2016, nhưng kỳ vọng tăng trưởng của khu vực các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển sẽ tăng thêm 0,1 điểm% so với dự báo trước đó.

Có thể điểm qua tăng trưởng kinh tế của một số các quốc gia được trình bày tại bảng 1.

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF, 2016), kinh tế Mỹ đi lên với tốc độ 2,9% từ tháng 7 đến tháng 9 so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng mạnh nhất trong hai năm. Chỉ tiêu tiêu dùng - động lực chính đối với tăng

trưởng kinh tế Mỹ - trong các tháng 1-10/2016 tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2015. Một cú hích lớn khác là thương mại, xuất khẩu tăng 10% trong quý 3/2016, mức tốt nhất trong gần ba năm. Với những tín hiệu khả quan đó, khả năng Fed sẽ tăng lãi suất vào cuối năm 2016 đang ngày càng tăng.

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2016), kinh tế Châu Âu đang có xu hướng tăng nhờ nhu cầu hồi phục. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI - Purchasing Managers' Index™) tháng 10/2016 (đạt 53,3 điểm) tiếp tục duy trì được xu hướng tăng trong 2 tháng gần đây (tháng 9: 52,6 điểm; tháng 8: 51,7 điểm). Tuy nhiên, về tổng thể, việc thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ đến nay vẫn chưa thực sự hiệu quả khi mức lạm phát của khu vực này vẫn chỉ ở mức 0,4% trong tháng 9, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (European Central Bank - ECB).

Kinh tế Nhật Bản cũng xuất hiện những tín hiệu lạc quan: (i) niềm tin tiêu dùng đạt mức cao nhất kể từ tháng 9 năm 2013 (tháng 9/2016 đạt mức 43 điểm trong tháng 9, tăng 1 điểm so với tháng 8); (ii) sản lượng công nghiệp tăng trở lại sau 8 tháng giảm liên tiếp (đạt mức 4,6%), đánh dấu mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ tháng 3/2014; (iii) chỉ số lạm phát tháng 8 tăng lên 0% sau 2 tháng liên tục ở mức âm 0,2%. Song, nhìn chung, việc đồng Yên (JPY) mạnh vẫn là rủi ro chính đối với tăng trưởng kinh tế nước này trong ngắn hạn (World Bank, 2016).

Cũng theo World Bank (2016), kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 6,7% trong quý 3/2016, tương đương quý 2/2016 và không khác so với kỳ vọng thị trường. Mặc dù sản lượng công nghiệp giảm (tháng 9/2016 giảm 3,17% so với tháng trước), song chỉ tiêu chính phủ và thị trường nhà đất tăng cao (9

Bảng 1. Tăng trưởng và dự báo hàng hoá thế giới

Tăng trưởng kinh tế thế giới (%)	Dự báo hàng hoá thế giới		
	2015	2016F	2017F
Thế giới	3,2	3,1	3,4
Nền kinh tế phát triển	2,1	1,6	1,8
Mỹ	2,6	1,6	2,2
Châu Âu	2	1,7	1,5
Nhật Bản	0,5	0,5	0,6
Nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	4	4,2	4,6
Trung Quốc	6,9	6,6	6,2
Ấn Độ	7,6	7,6	7,6
ASEAN-5	4,8	4,8	5,1

Nguồn: IMF (2016)

Dự báo hàng hoá thế giới	Dự báo hàng hoá thế giới			
	T10/2016		T7/2016	
	2016	2017	2016	2017
Năng lượng	54	66	55	68
Nông sản	89	90	89	91
Lương thực	91	93	92	94
Nguyên liệu thô	82	84	80	82
Kim loại	60	62	61	63
Dầu thô	43	53	43	55

Nguồn: World Bank (2016)

tháng đầu năm tăng hơn 40% so với cùng kỳ) đã giúp cho tăng trưởng của Trung Quốc ổn định.

2.2. Chính sách của một số ngân hàng trung ương lớn trên thế giới tác động tới tăng trưởng kinh tế

Trong tháng 10/2016, ngân hàng trung ương các nước tiếp tục chính sách nới lỏng và các cam kết hỗ trợ thị trường, cụ thể:

Tại Mỹ, nhiều nhà đầu tư đang cho rằng Fed sẽ nâng lãi suất vào tháng 12/2016. Trong khi đó, ngân hàng trung ương Anh vẫn phát đi các tín hiệu có thể sẽ cắt giảm thêm lãi suất điều hành trong trường hợp có những thông tin tiêu cực từ thị trường và một số ngân hàng lớn hiện đang có trạng thái chuyển trụ sở ra khỏi nước Anh do lo ngại những ảnh hưởng bất lợi có thể xảy ra bởi Brexit tới hiệu quả kinh doanh và điều hành (World Bank, 2016)

Đồng Nhân dân tệ Trung Quốc liên tục mất giá so với USD đã khiến Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) phải bán một lượng khổng lồ trái phiếu chính phủ Mỹ nhằm hỗ trợ tỷ giá. Tuy nhiên, động thái này của PBOC vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả khi đồng Nhân dân tệ (RMB) tiếp tục lên giá so với các đồng tiền lớn khác như Bảng Anh, Euro, ngoại trừ USD (World Bank, 2016).

Các chính sách nêu trên cũng tác động đến giá hàng hoá thế giới. World Bank (2016) giữ nguyên dự báo giá dầu bình quân năm 2016 ở mức 43 USD/

thùng, tương đương dự báo trước đó và nâng dự báo giá dầu năm 2017 lên 55 USD/thùng (tăng 3,7% so với mức dự báo hồi tháng 7/2016). Giá hàng hóa năm 2017 dự kiến phục hồi so với năm 2016: giá kim loại và khoáng sản tăng 4,1%; giá nông sản tăng 1,4%; giá lương thực tăng 1,5%. Giá vàng được dự báo sẽ giảm nhẹ trong năm tới, xuống mức 1.219 USD/ounce do khả năng tăng lãi suất và vàng không còn là kênh đầu tư an toàn.

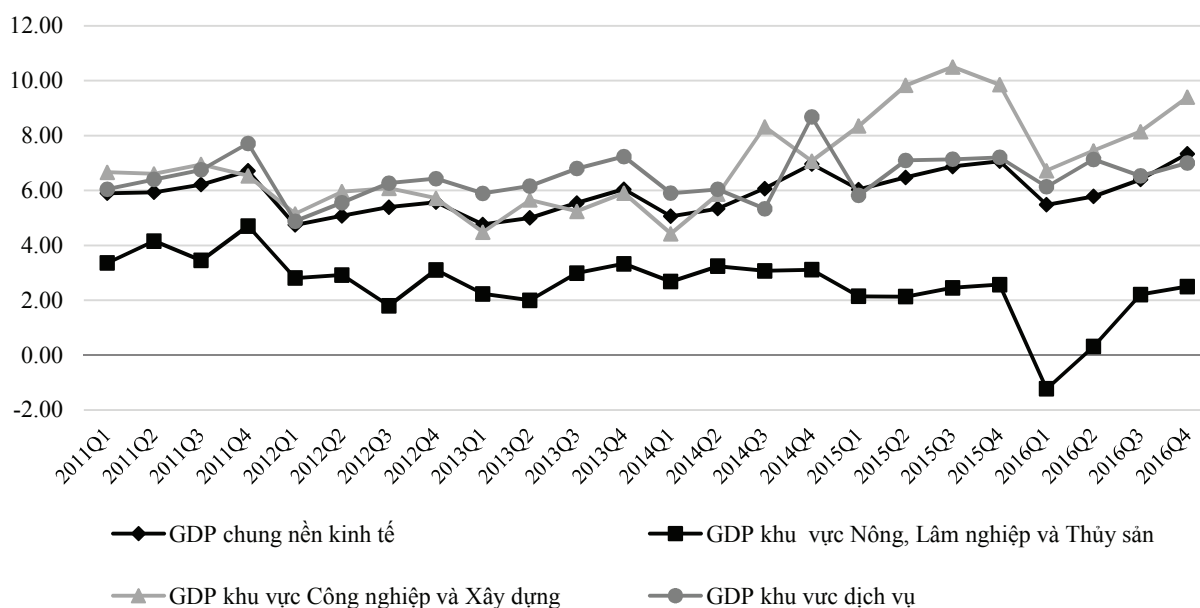
3. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2016

3.1. Tăng trưởng chung và tăng trưởng của các ngành kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê (2016), tốc độ tăng trưởng kinh tế 9 tháng đầu năm 2016 đạt 5,93%, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng tăng trưởng đã có xu hướng tăng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78% và quý III là 6,4%). Nguyên nhân của tăng trưởng thấp năm 2016 chủ yếu là do:

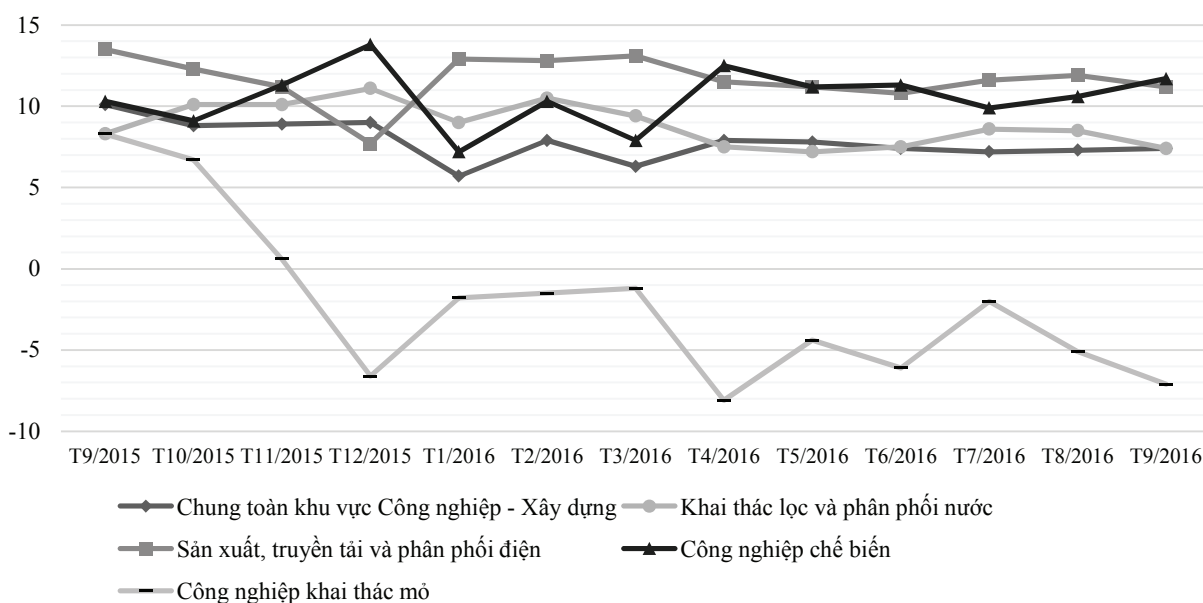
Thứ nhất, khu vực sản xuất Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bị ảnh hưởng nặng nề bởi hiện tượng rét đậm, băng giá ở các tỉnh phía Bắc, hạn hán ở Miền Trung và Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Hình 1 cho thấy khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng trưởng kinh tế giảm sút khi tăng trưởng các quý I, II và III đạt -1,23%, 0,31% và 2,21% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng âm trong quý I ảnh hưởng mạnh tới

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và các khu vực sản xuất



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê, 2011-2016

Hình 2: Chỉ số IIP tháng từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2016 (Đơn vị: %)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê, 2015-2016

tăng trưởng chung của toàn khu vực.

Thứ hai, sự sụt giảm sản lượng công nghiệp của ngành khai khoáng. Hình 2 cũng chỉ ra rằng đối với khu vực Công nghiệp và Xây dựng, khó khăn trong ngành công nghiệp khai khoáng làm cho sản xuất của khu vực này chỉ giữ được đà tăng trưởng như các quý năm 2015. Theo đó, tăng trưởng của khu vực Công nghiệp và Xây dựng các quý I, II và III so với cùng kỳ năm trước tương ứng khoảng 6,72%, 7,44% và 8,14% (Tổng cục thống kê, 2016).

Theo Tổng cục thống kê (2016), trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,4%, đóng góp 7,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 12,1%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,9%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 4,1%, làm giảm 0,9 điểm phần trăm mức tăng chung. Tính chung 9 tháng đầu năm 2016, IIP tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,9% của cùng kỳ năm 2015.

3.2. Giá cả và lạm phát

Theo Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2016), lạm phát năm 2016 cao hơn năm 2015, nhưng vẫn được kiểm soát theo mục tiêu đặt ra từ đầu năm (dưới 5%) ước ở mức 4%, so với mức 0,6% của năm 2015, chủ yếu do giá dịch vụ công được chủ động điều chỉnh nhanh hơn và giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng. Thế

nhưng, lạm phát cơ bản hầu như vẫn ổn định ở mức của năm 2015 (ước ở mức 1,85%, so với mức 1,69% của năm 2015). Chỉ số giá cả (CPI) trung bình 3 quý đầu năm nay tăng cao hơn so với năm trước, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với các năm 2014 trở về trước, quý I tăng 1,25%, quý II tăng 2,19% và quý III tăng 2,77% so với cùng kỳ (năm trước các con số tương ứng là 0,74%; 0,98% và 0,5%). Nguyên nhân chủ yếu là do giá một số nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng cao như nhóm giao thông (do giá xăng dầu thế giới tăng), giá dịch vụ y tế, giáo dục (tăng theo lộ trình).

Việc kiểm soát tốt lạm phát đã tạo nền tảng cho ổn định kinh tế vĩ mô và tạo đà cho tăng trưởng năm 2016 và năm 2017.

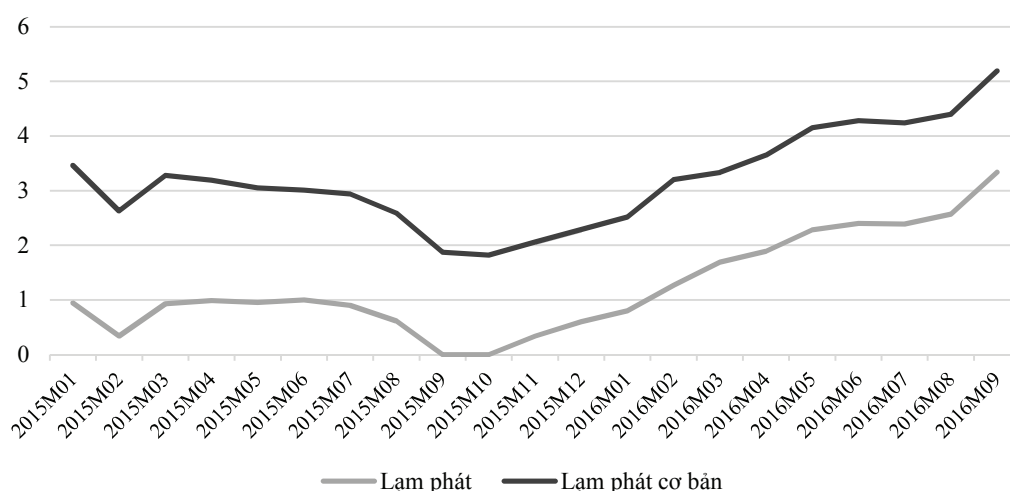
3.3. Tiêu dùng

Theo Tổng cục thống kê (2016), tiêu dùng cuối cùng ước tăng 6,97% so với cùng kỳ, khá thấp so với mức tăng 9,1% của năm 2015, nguyên nhân chủ yếu là do cầu tiêu dùng giảm đáng kể, tính chung 9 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2605 nghìn tỷ VND, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước (hình 4), mức tăng này tương đối thấp so với con số 9,1% của năm 2015. Thêm vào đó, sự tăng giá trở lại của nhiều mặt hàng và dịch vụ thiết yếu đến tâm lý tiêu dùng của người dân khiến sức mua không có biến động mạnh mẽ.

3.4. Hoạt động của các doanh nghiệp

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới: Theo

Hình 3. Lạm phát cơ bản và lạm phát tổng thể (Đơn vị: %)



Nguồn: Ủy ban kinh tế Quốc hội (2016)

tổng cục thống kê (2016), trong 9 tháng năm 2016, cả nước có 81.451 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 629,1 nghìn tỷ VND, tăng 19,2% về số doanh nghiệp và tăng 49,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015; số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 7,7 tỷ VND, tăng 25,4%. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng là 928,7 nghìn người, bằng 92,9% cùng kỳ năm 2015. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng nhanh chóng, chỉ riêng quý I năm 2016 đã có tới 9.376 doanh nghiệp trở lại hoạt động và đến cuối 9 đã có 20.510 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 59,6% so với

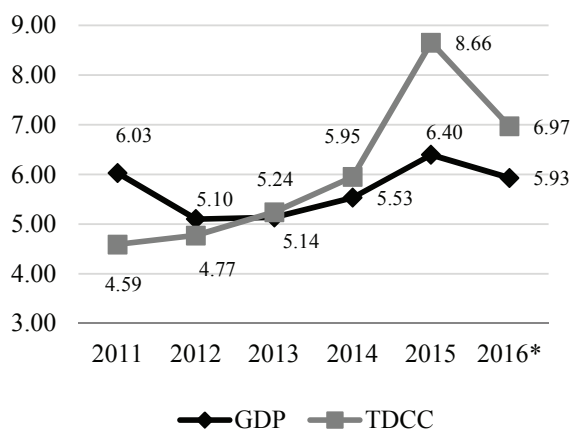
cùng kỳ năm trước (9 tháng năm 2015 tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2014).

3.5. Đầu tư

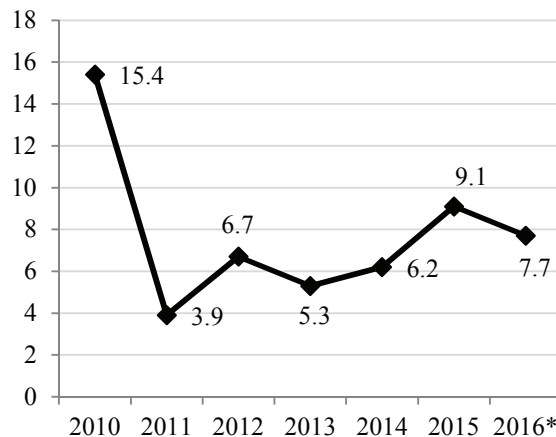
Theo Tổng cục Thống kê (2016), kinh tế Việt Nam tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào vốn, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng năm 2016 theo giá hiện hành ước tính đạt 1006,9 nghìn tỷ VND, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước và bằng 33,1% GDP, trong đó: Vốn khu vực nhà nước đạt 378,8 nghìn tỷ VND, chiếm 37,6% tổng vốn và tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 387,7 nghìn tỷ VND, chiếm 38,5% và tăng 10,1%; vốn khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước

Hình 4: Tăng trưởng GDP và tiêu dùng cuối cùng và tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 9 tháng đầu năm 2016 (%)

Tăng trưởng GDP và tiêu dùng cuối cùng 9 tháng đầu năm (%)

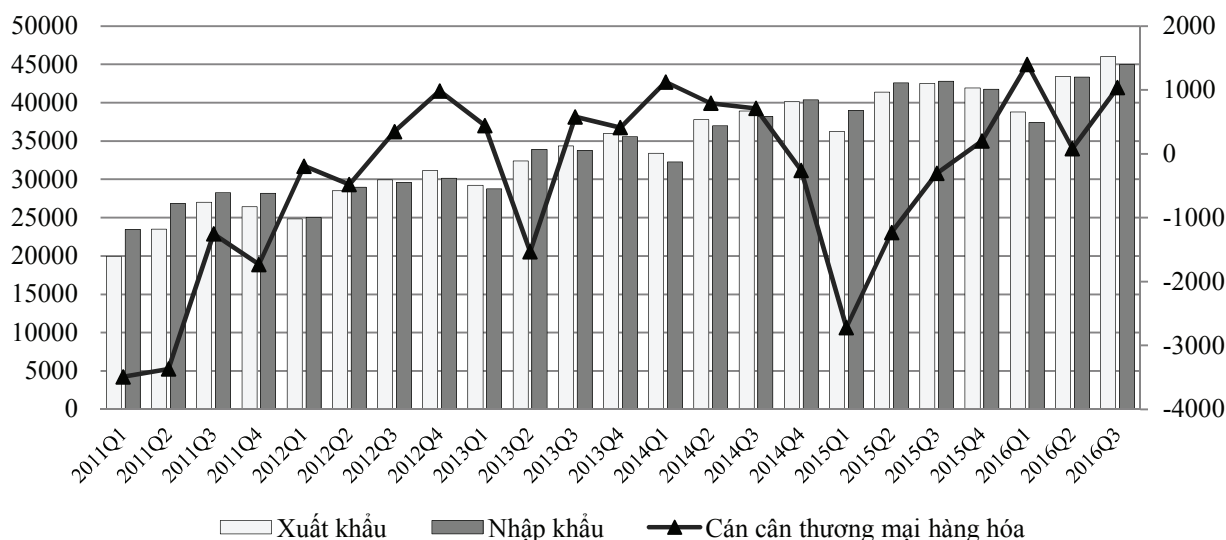


Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 9 tháng đầu năm (%)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Chính phủ (2016), Ủy ban kinh tế Quốc hội (2016) và Tổng cục thống kê (2011 - 2016)

Hình 5: Kim ngạch hàng hóa xuất – nhập khẩu các quý qua các năm



Nguồn: Chính phủ (2016) và Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2016)

ngoài đạt 240,4 nghìn tỷ VND, chiếm 23,9% và tăng 12,6%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2016 ước tính đạt 180 nghìn tỷ VND, bằng 69,1% kế hoạch năm và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2015. Nếu loại trừ yếu tố giá thì có thể thấy rằng tổng vốn đầu tư toàn xã hội 9 tháng đầu năm 2016 vẫn cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng GDP. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển/GDP ở mức 33,1%, làm cho hệ số giữa tỷ lệ này so với tốc độ tăng GDP lên đến 5,6 lần, cao hơn nhiều so với con số tương ứng của cả năm 2015 (4,9 lần). Điều đó chứng tỏ hiệu quả đầu tư có dấu hiệu sụt giảm so với năm trước.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài 9 tháng năm 2016 là một trong những điểm sáng của bức tranh tổng thể của nền kinh tế vĩ mô. Tổng vốn FDI đăng ký đạt 16.430,1 triệu USD, trong đó thu hút 1820 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 11.164,6 triệu USD, tăng 27,1% về số dự án và tăng 1,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015 do môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi đã thu hút thêm các nhà đầu tư mới và khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động lâu năm nâng vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất tại chỗ. Vốn FDI giải ngân tăng cao đạt khoảng 11,02 tỷ USD tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và ổn định tỷ giá trong 9 tháng qua.

3.6. Xuất khẩu, nhập khẩu

Theo Tổng cục thống kê (2016), kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2016 ước tăng 6,7% về giá trị và 9,8% về lượng, thấp hơn mức tăng của cùng

kỳ năm 2015 (tăng 8,1% về giá trị và tăng 11,9% về lượng) do xuất khẩu gạo và dầu thô giảm (xuất khẩu gạo giảm 12,4% về giá trị và 16,3% về lượng; dầu thô giảm 43,3% về giá trị và 25% về lượng), xuất khẩu điện thoại và linh kiện tăng chậm (về giá trị tăng 8,6%, cùng kỳ năm 2015 tăng 33,6%).

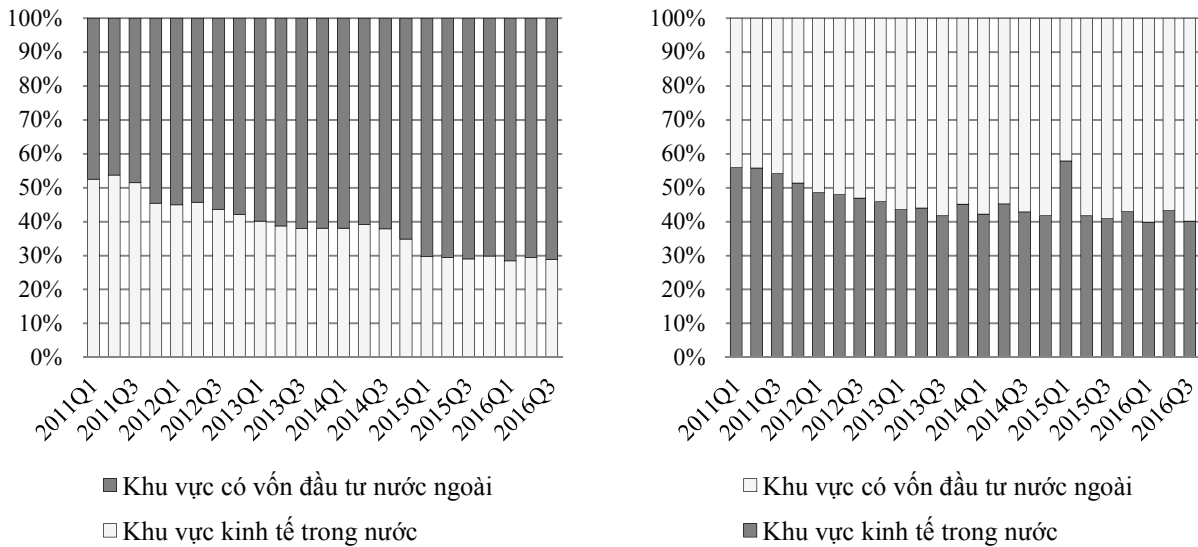
Nhập khẩu hàng hóa 9 tháng đầu năm tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước, giảm mạnh so với mức tăng 15,9% của cùng kỳ năm 2015 do nhóm tư liệu sản xuất đạt 114,5 tỷ USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2015 và chiếm hơn 91% tổng kim ngạch hàng hoá nhập khẩu. Thế nhưng nhập khẩu đã có dấu hiệu bắt đầu phục hồi trong Q3/2016, chỉ số dẫn báo¹ (LEI) do Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia công bố chỉ số này đã thoát đáy từ Q1/2016 (Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, 2016).

Theo Tổng cục thống kê (2016), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong xuất nhập khẩu của nền kinh tế, chỉ tính riêng quý III/2016 xuất khẩu của khu vực này đạt doanh số 32,273 tỷ USD chiếm 71,15%, nhập khẩu 26,903 tỷ USD chiếm 59,83% trong khi khu vực kinh tế trong nước chỉ đạt 13,273 tỷ USD, chiếm 28,85% tổng giá trị xuất khẩu và 18,604 tỷ USD, chiếm 40,17%.

3.7. Thị trường Tài chính - tiền tệ

Theo Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2016), Tính đến thời điểm 20/9/2016, cung tiền M2 tăng 11,76% (cùng kỳ năm trước tăng 8,88%), huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,08% (cùng kỳ năm trước tăng 8,9%) và tăng trưởng tín dụng của nền

Hình 6: Cơ cấu xuất nhập khẩu theo khu vực



Nguồn: Tổng cục thống kê (2016)

kinh tế tăng 10,46% (cùng kỳ năm trước 10,78%). Thế nhưng nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn khó tiếp cận tới tín dụng do thiếu tài sản thế chấp.

Do kiểm soát tốt lạm phát, nên lãi suất hệ thống ngân hàng đã giảm nhẹ khoảng 0,5 đến 1,0 điểm phần trăm so với đầu năm, mặt bằng lãi suất cho vay tiền VND phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn. Các ngân hàng thương mại nhà nước áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Thế nhưng lãi suất khó có cơ hội giảm sâu do nợ xấu chưa được xử lý triệt để, các ngân hàng vẫn phải trích dự phòng cao.

Sau một thời gian ổn định đến giữa tháng 8/2016 tỷ giá trung tâm liên tục được điều chỉnh ở mức tăng nhẹ (21.499 VND/1USD vào ngày 30/9). Tỷ giá sẽ được duy trì ổn định do thặng dư thương mại tiếp tục được duy trì, vốn FDI giải ngân cao, lượng kiều hối tiếp tục chuyển về, nhu cầu ngoại tệ của thị trường không lớn khi tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức thấp, nhu cầu nguyên vật liệu hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh chậm lại, tâm lý đầu cơ không lớn.

4. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2017 và khuyến nghị chính sách

4.1. Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017

Năm 2017 kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để duy trì được đà tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức cần có giải pháp vượt qua.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, do tốc độ tăng trưởng chậm tại các nền kinh tế phát triển, giá hàng hóa nguyên liệu vẫn ở mức thấp, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn giảm. Theo báo cáo cập nhật về triển vọng kinh tế toàn cầu vừa công bố tháng 10-2016, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) giữ nguyên dự báo GDP toàn cầu năm 2016 và năm 2017 lần lượt là 3,1% và 3,4%, nhưng điều chỉnh giảm dự báo GDP năm 2016 tại các nước phát triển xuống 1,6% và tăng dự báo GDP năm 2016 tại các nước đang phát triển và mới nổi lên 4,2%. Sự tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế thế giới, khu vực và Trung Quốc sẽ là thách thức cho Việt Nam (IMF, 2016).

Nợ công sắp tới ngưỡng 65% GDP (Ủy ban Kinh tế Quốc hội, 2016), tạo áp lực về tính bền vững nợ. So với các nền kinh tế khác ở khu vực Đông Nam Á, áp lực nợ công của Việt Nam đang lớn nhất so với mức nợ công của các nước như Malaysia 56% và 41% của Thái Lan (World Bank, 2016). Chi phí trả lãi tăng nhanh do chủ yếu dựa vào vốn vay ngắn hạn trong nước, trong khi thu ngân sách giảm từ 27% GDP xuống còn 22% trong 5 năm qua (Ủy ban kinh tế, 2016), sẽ làm gia tăng thâm hụt ngân sách trong năm tới.

Thặng dư cán cân vãng lai và cán cân vốn bị thu hẹp, dự trữ ngoại hối giảm, làm giảm vùng đệm để ứng phó trong trường hợp có các cú sốc. Tuy nhiên,

nếu thu hút và giải ngân tốt vốn FDI tăng sẽ giúp cân thanh toán cải thiện trong năm 2017.

Nợ xấu trong các hệ thống ngân hàng chậm xử lý vẫn là một cản trở đáng kể đối với kỳ vọng tăng trưởng của nền kinh tế năm 2017 và những năm tiếp theo. Tỷ lệ nợ xấu đã được công bố giảm xuống dưới 3%, nhưng chủ yếu là do chuyển nợ cho VAMC. Quá trình giải quyết nợ xấu thực tế vẫn còn hạn chế, các khó khăn vướng mắc cả về thể chế lẫn nghiệp vụ vẫn chưa được giải quyết.

Tài cơ cấu doanh nghiệp nhà nước là một trong ba trụ cột trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế (cùng với tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu ngân hàng và tổ chức tín dụng) triển khai chậm ảnh hưởng tới việc sử dụng hiệu quả nguồn lực quốc gia và tới môi trường cạnh tranh bình đẳng của khu vực kinh tế tư nhân.

Bên cạnh những thách thức nêu trên, vẫn có một số cơ hội cho tăng trưởng kinh tế năm 2017:

Việt Nam đang mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, sâu rộng sẽ tạo áp lực cho việc cải cách, cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh, thị trường và thay đổi lại việc phân bổ nguồn lực. Hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới mở ra thị trường rộng lớn hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam và tạo cơ hội thu hút FDI.

Cải cách thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh, minh bạch đã và đang được triển khai mạnh mẽ trong năm tới sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân khởi nghiệp và mở rộng hoạt động.

Chính sách tài chính tiền tệ sẽ được điều hành một cách linh hoạt hơn lãi suất và tỷ giá sẽ tiếp tục được ổn định, hệ thống tài chính tiếp tục được ổn định nhờ vào tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại, các mục tiêu về tăng trưởng tín dụng và cung tiền tiếp tục được giữ ở mức lần lượt là 18%-20% sẽ tạo thuận lợi cho tiếp cận vốn của các doanh nghiệp.

4.2. Kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 được dự báo dựa trên các giả thiết:

Kinh tế thế giới: Tăng trưởng thương mại thế giới khoảng 3,1%, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới có thể đạt 3,4% (IMF, 2016).

Kinh tế trong nước: Năm 2017, kỳ vọng của các chính sách điều hành mang lại hiệu quả cao hơn cho nền kinh tế và Việt Nam có những thuận lợi mở rộng thương mại, thu hút các nguồn vốn như FDI, ODA. Các hiệp định thương mại phát huy hiệu quả hơn trong năm tới, cụ thể: (GDP) tăng khoảng 6,7%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6 - 7%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31,5% GDP; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55 - 57%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ đạt 22,5% (Quốc hội, 2016b).

Năm 2017 nền kinh tế Việt Nam có thể xảy ra hai kịch bản tăng trưởng như sau:

- *Kịch bản 1 (kịch bản cơ sở):* Kịch bản này dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 sẽ ở

Bảng 2. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu của Việt Nam 2017

	2014	2015	2016 (ước)	2017	
				KB cơ sở	KB cao
1. Tăng trưởng GDP, %	5,98	6,68	6,45	6,51	6,9
- Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	3,49	2,41	1,41	2,01	3,23
- Công nghiệp và Xây dựng	7,14	9,64	8,27	8,27	8,42
- Dịch vụ	5,96	6,33	6,9	6,71	7,05
2. Cán cân thương mại hàng hóa					
- Tổng kim ngạch xuất khẩu, tỷ USD	150	162,4	172,2	184,3	189,5
<i>Tốc độ tăng xuất khẩu, %</i>	13,6	8,1	6,03	7,03	10,05
- Tổng kim ngạch nhập khẩu, tỷ USD	148	165,6	169	183	190
<i>Tốc độ tăng nhập khẩu, %</i>	12,1	12	2,05	8,2	12,43
- Chênh lệch xuất nhập khẩu/tổng xuất khẩu, %	1,32	-1,97	1,86	0,71	-0,2
3. Vốn đầu tư					
- Vốn đầu tư/GDP (%)	30,23	31	32,5	32	33
4. Lạm phát, %	4,09	0,63	4,7	5	6

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu thống kê nhiều năm của Tổng cục Thống kê

mức khoảng 6,51%, lạm phát khoảng 5%. Để đạt được mức tăng trưởng này, các chính sách trong nền kinh tế phải phát huy hiệu quả và tận dụng được lợi thế của các hiệp định thương mại.

- *Kịch bản 2 (kịch bản cao)*: Kịch bản này đưa ra kết quả dự báo tăng trưởng kinh tế khoảng 6,9% (cao hơn mức 6,7% do Quốc hội, 2016a, đã thông qua) và lạm phát ở mức 6%. Kịch bản này sẽ khó xảy ra hơn vì những lý do sau:

(1) Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải dựa nhiều vào vốn đầu tư, kịch bản này sẽ đòi hỏi đầu tư khu vực nhà nước không những phải cải thiện về chất lượng mà còn phải tăng về số lượng;

(2) Tái cơ cấu kinh tế được đẩy mạnh và rõ rệt hơn trong năm 2017, nền kinh tế sẽ phát huy hiệu quả tốt hơn;

(3) Các vấn đề tồn đọng trong nền kinh tế cần được giải quyết rõ ràng hơn;

(4) Kỳ vọng về biến đổi khí hậu không gây ra những hậu quả thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế.

4.3. Khuyến nghị chính sách

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2017, Chính phủ cần nghiên cứu triển khai một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó kiểm soát lạm phát nên đặt trong mục tiêu

trung hạn (5 năm) để tạo linh hoạt hơn trong điều hành chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Chính sách tiền tệ nên điều chỉnh linh hoạt hơn, không nên kiểm soát mục tiêu tăng trưởng tín dụng mà tập trung chủ yếu và kiểm soát cung tiền.

Thứ hai, cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, loại bỏ các rào cản gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ ba, cải cách phân bổ nguồn lực quốc gia theo hướng thị trường để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả được tiếp cận tới nguồn lực, giảm dần và tiến tới xóa bỏ sự độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước tiếp cận nguồn lực quốc gia.

Thứ tư, xử lý nợ xấu theo hướng tạo cơ chế cho các ngân hàng thương mại tự xử lý hơn là tập trung tất cả các khoản nợ xấu và Công ty quản lý tài sản (VAMC), tạo thị trường mua bán nợ, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được tham gia.

Thứ năm, giảm lãi suất cho vay thông qua giảm trích lập dự phòng rủi ro cho các ngân hàng thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tới tín dụng thông qua cơ chế cho vay dựa vào xem xét phương án khả thi, tính điểm tín dụng.

Ghi chú:

1. Chỉ số dẫn báo của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia là một chỉ số được xây dựng phục vụ việc dự báo chu kỳ kinh tế, đóng vai trò như một chỉ số dẫn báo trong công tác điều hành chính sách kinh tế vĩ mô hàng tháng. Chỉ số được hình thành từ các chỉ số kinh tế thành phần có tính chu kỳ bao gồm: Chỉ số nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép; chỉ số dẫn báo tài chính; Chỉ số nhập khẩu máy móc thiết bị.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2016), Báo cáo tình hình thực hiện phát triển kinh tế - Xã hội 9 tháng đầu năm 2016, Hà Nội.

Cục đầu tư nước ngoài – Bộ kế hoạch và đầu tư (2016), *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài các tháng 1-9*, Hà Nội.

IMF [International Monetary Fund] (2016), *World Economic Outlook: Subdued Demand: Symptoms and Remedies*. Publication Services, Washington, DC.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2016), *Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 35/2016/NQ-CP*, Hà Nội.

Quốc hội khoá XIV (2016a), *Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017*, Hà Nội.

Quốc hội khoá XIV (2016b), *Báo cáo tình hình Kinh tế xã hội năm 2016*, Hà Nội.

Tổng cục thống kê (2016), *Báo cáo Kinh tế xã hội các tháng 1- 9/2016*. Hà Nội.

Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (2016), *Báo cáo tài chính kinh tế tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2016*, Hà Nội.

Ủy ban kinh tế Quốc hội (2016), *Thẩm tra kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016*, Hà Nội.

World Bank (2016), *Commodity Markets Outlook*, Washington, DC.